

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Võ Văn Lường.

2/ Bà Đặng Thị Phương Quyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 519/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tú H, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Linh T, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã C2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú H có đơn xin vắng mặt, theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Linh T do quen biết nhau, tìm hiểu khoảng một năm thì kết hôn và đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C1, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 19/8/2020. Sau khi kết hôn thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định nhưng đến cuối năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T quen với người khác, tôi có nói sự việc này với

anh T thì anh T không thừa nhận, có ý kiến yêu cầu ly hôn và bỏ nhà đi. Trong quá trình chung sống thời gian đầu anh T có đưa tiền cho tôi phụ giúp gia đình nhưng sau đó không đưa tiền nữa. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình có hòa giải đoàn tụ cho chúng tôi nhưng không có kết quả. Từ lúc ly thân đến nay anh T cũng không liên lạc gì với tôi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Linh T trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn. Trong quá trình chung sống tôi và chị H có phát sinh một số mâu thuẫn và chúng tôi ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý vì tôi còn tình cảm, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Chị H có đơn xin vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, anh T giữ nguyên ý kiến, không đồng ý ly hôn với chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Tú H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Linh T nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Linh T có nơi cư trú tại xã C, huyện C1, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C1, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 19/8/2020 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh T xảy ra từ cuối năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T quen với người khác, chị H có nói sự việc này với anh T thì anh T không thừa nhận, có ý kiến yêu cầu ly hôn và bỏ nhà đi. Trong quá trình chung sống thời gian đầu anh T có đưa tiền cho chị H phụ giúp gia đình nhưng sau đó không đưa tiền nữa. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình có hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng không có kết quả.

Anh T thừa nhận vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Tuy nhiên anh còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hácung quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, không đồng ý đoàn tụ. Chị H và anh T đã ly thân với nhau thời gian dài, từ lúc ly thân đến nay mặc dù gia đình hai bên có hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp nào mang tính khả thi để nhằm hàn gắn tình cảm gia đình. Từ lúc ly thân đến nay anh T cũng không có biện pháp hòa giải nào có hiệu quả nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú H được ly hôn với anh Nguyễn Linh T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0016653 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Tiền Giang nên chị H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C1;
- Chi cục THADS huyện C1;
- UBND xã C, huyện C1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**